

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
đặt hàng thực hiện năm 2025 thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại biên bản họp ngày 20 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 34/TTr-SKHCN ngày 03 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh thực hiện năm 2025 thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xét duyệt hồ sơ thuyết minh, thẩm định kinh phí, trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, CNG, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH
ĐỀ TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN NĂM 2025 THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Nguồn đề xuất nhiệm vụ (Tên tổ chức, cá nhân đề xuất)	Loại hình nhiệm vụ
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá sù đất (<i>Protonibea diacanthus</i>) cỡ lớn nhằm gia tăng giá trị kinh tế.	Có được quy trình nuôi thương phẩm cá sù đất cỡ lớn (>4kg/con) phục vụ chế biến, gia tăng giá trị sản phẩm.	- Đăng 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước được Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành chấm điểm; - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài; - Quy trình nuôi cá sù đất từ kích cỡ 1,0 - 1,5 kg/con lên cỡ lớn > 4kg/con: chu kỳ nuôi dưới 15 tháng, tỷ lệ sống > 80%, năng suất > 7kg/m³ lồng nuôi, hệ số FCR ≤ 3; - Tài liệu truyền thông quảng bá sản phẩm cá sù đất (tờ rơi, hình ảnh, video clip, phóng sự,...); - 2.000 kg cá thương phẩm > 4kg/con; - Báo cáo đánh giá chất lượng thịt cá và bóng hơi: Tỷ lệ thịt phi lê/khối lượng cá, hàm lượng protein, lipid, tro của thịt cá; tỷ lệ bóng hơi tươi so với khối lượng cơ thể cá, tỷ lệ bóng hơi khô/bóng hơi tươi, hàm lượng protein, lipid, collagen, gelatin của bóng hơi. - 10 kg thịt cá phi lê đóng gói hút chân không và bảo quản tươi; + Về cảm quan: Màu sắc bề mặt đặc trưng, không	Tuyển chọn	Trường Đại học Nha Trang	Đề tài khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp

			có màu lạ, mùi tanh tự nhiên của cá, vị đặc trưng cá, miếng phi lê săn chắc, đàn hồi. + Về hoá học: Chất lượng phi lê cá sử dụng bao gói chân không bảo quản ở $-20 \pm 2^{\circ}\text{C}$ hàm lượng nitơ bazơ tổng số trong 100g sản phẩm < 25 mg. + Về vi sinh vật: <i>E. coli</i> $\leq 10^2$ CFU/g. + Về nhãn: Ghi rõ quy cách đóng gói, nguồn gốc thịt cá. - 03 kg sản phẩm chế biến dạng sashimi: + Về cảm quan: Màu sắc đỏ tự nhiên - tươi sáng; cơ thịt dẻo đàn hồi; mùi tanh tự nhiên của cá. + Về hóa học: Hàm lượng Histamin < 50 ppm. + Về vi sinh vật: <i>E. coli</i> $\leq 10^2$ CFU/g. + Về nhãn: Ghi rõ quy cách đóng gói, nguồn gốc thịt cá. - 02 kg bóng hơi khô: Không dính mỡ, sạch, màu vàng nhạt tự nhiên, mùi tanh nhẹ tự nhiên, độ ẩm $< 20\%$, protein $> 75\%$. - 02 mô hình nuôi cá thương phẩm, sản lượng 500 kg/mô hình, giá trị gia tăng $> 10\%$. – Hỗ trợ đào tạo 01 thực sĩ.			
--	--	--	--	--	--	--